

động từ lặp lại

(1) 别生气了, _____!

Bié shēngqì le, _____!

(2) 你去_____他们厕所在哪里。

Nǐ qù _____ tāmen cèsuǒ zài nǎlǐ.

(3) 我可以_____你的电脑吗?

Wǒ kěyǐ _____ nǐ de diànnǎo ma?

(4) 我们出去 _____ 吧。

wǒ men chū qù _____ ba.

(5) 你也_____这位先生。

nǐ yě _____ zhè wèi xiānshēng.